

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2019

“V/v Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Dân

Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28 /2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Anh T**, sinh năm: 1976 (**Có mặt**).

Nơi cư trú: Số 32/3, Thủ Khoa N, phường Mỹ B, Tp.L, An Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đông T**, sinh năm: 1978 (**Có đơn xin xét xử vắng mặt**).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa L, TT An C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 28/11/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Anh T và anh Nguyễn Đông T kết hôn vào năm 2001, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ B. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm, xảy ra nhiều mâu thuẫn bất hòa, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đông T.

Về con chung: Chị Lê Anh T và anh Nguyễn Đông T có 02 con chung tên là Nguyễn Đông P, sinh năm: 21/9/2003 và Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 26/8/2008. Hiện tại các cháu đang sống với chị T và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P và cháu C. Tại đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đông T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Đông T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh T. Tại biên bản xác minh anh T ngày 25/2/ 2019 thì anh T cho biết. Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn vào năm 2001, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Đông P , sinh năm: 21/9/2003 và Nguyễn Lê Bảo C , sinh ngày 26/8/2008. Hiện tại các cháu đang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu P và cháu C cho chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Về tài sản và nợ chung: Không có

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu P và cháu C cho chị T nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu P g và cháu C theo quy định pháp luật. Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Đông T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy

nhien vào ngày 26/2/2019 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đông T theo quy định pháp luật.

2] Về nội dung:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Anh T và anh Nguyễn Đông T kết hôn vào năm 2001, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do mai mối, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ B . Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị T trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, nên vợ chồng luôn bất hòa với nhau, gia đình không êm ấm hạnh phúc, kéo dài thời gian chịu đựng vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Thời gian ly thân hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai của anh T ngày 25/2/2019, anh T trình bày là vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh T, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Lê Anh T và anh Nguyễn Đông T có 02 con chung tên là 02 con chung tên là Nguyễn Đông P , sinh năm: 21/9/2003 và Nguyễn Lê Bảo C , sinh ngày 26/8/2008. Hiện tại các cháu đang sống với chị T . Sau khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu C , yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai anh T ngày 25/2/2019 thì anh T cũng đồng ý để chị T nuôi con. Tại tờ tự khai cùng ngày 25/2/2019 các P, cháu C cũng có nguyện vọng muốn sống với chị T sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ nhỏ đến nay các cháu đều sống chung với chị T , được chị và gia đình chăm sóc, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai cháu, nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi cháu P và cháu C là phù hợp.

[2.3] **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 28/11/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu anh Nguyễn Đông T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai anh T thì anh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng chỉ cấp dưỡng theo khả năng thu nhập của mình. Xét thấy nghĩa vụ nuôi con chung là của cả cha lẫn mẹ, người nào không phải nuôi con thì phải cấp dưỡng, việc chị T yêu cầu nuôi con và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T , buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu C theo quy định pháp luật bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu trên tháng, tính theo từng thời điểm mức lương nhà nước quy định cho đến khi cháu P và cháu C tròn 18 tuổi, thời gian cấp

dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tiền cấp dưỡng do chị T đại diện nhận.

[2.4] **Về tài sản và nợ chung:** Chị Lê Anh T trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[2.5] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Lê Anh T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Anh T. Chị Lê Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Đông T.

2. **Về nuôi con chung:** Chị Lê Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đông P, sinh năm: 21/9/2003 và Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 26/8/2008. Anh Nguyễn Đông T phải cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu C theo quy định pháp luật mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu trên tháng, tính theo từng thời điểm mức lương nhà nước quy định cho đến khi cháu P, cháu C tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tiền cấp dưỡng do chị T đại diện nhận. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này

3. **Về tài sản và nợ chung:** Chị Lê Anh T trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Lê Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013909 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh Nguyễn Đông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. **Về kháng cáo:** Chị Lê Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2019). Anh Nguyễn Đông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung